TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 -2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/01/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2023, giữa các đương sự:

- *NgU đơn*: Chị Nguyễn Thị O, sinh ngày 27/9/1987; địa chỉ: Khối 7, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy T, sinh ngày 15/12/1983; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 7, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Hiện sống tại cộng hoà liên bang Đức; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai ngU đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Sau khi về chung sống với nhau được một năm thì anh T đi nước ngoài. Từ tháng 12/2019 đến nay, anh T cắt đứt liên lạc với mẹ con chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Duy T có một con chung là Nguyễn Nhã U, sinh ngày 02/10/2018. Hiện nay, cháu U đang sống với chị O.

Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy T: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Nguyễn Duy T vắng mặt. Chị Nguyễn Thị O không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh T cư trú, chị chỉ biết anh T đang ở nước Đức. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua ông Nguyễn Duy M (là bố đẻ của anh T), tiến hành xác M, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Nguyễn Duy M cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông Nguyễn Duy M cho biết anh T đi xuất khẩu lao động tại cộng hoà liên bang Đức từ năm 2015 đến nay; hiện anh T đã trốn ra ngoài làm việc; anh T thường xU liên lạc với ông M nhưng không cho ông biết địa chỉ cụ thể của anh ở cộng hoà liên bang Đức. Anh T đã biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị O với anh. Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh T liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Duy T đã được bố đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Nguyễn Thị O xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Duy T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào năm 2018, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị O và anh Tkhông liên lạc với nhau từ tháng 12/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Duy T. Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Nhã U cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Duy T không phải đóng góp phí tổn nuôi con do chị O không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu nên không xem xét; chị

Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Duy T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa ngU đơn chị Nguyễn Thị O và bị đơn anh Nguyễn Duy T; trong đó chị O và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại khối 7, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An; bị đơn anh Nguyễn Duy T đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 17/06/2019 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Duy T vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác M lấy lời khai của ông Nguyễn Duy M (là bố đẻ của anh T, địa chỉ: khối 7, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An) yêu cầu ông M cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh M biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa chị O và anh T. Tuy nhiên, ông Nguyễn Duy M không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh T do anh T không cho ông biết; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh T trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ngU đơn chị Nguyễn Thị O, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Duy T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn một năm, anh T lại đi nước ngoài. Từ tháng 12/2019 đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Đến nay, chị O không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Duy T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Duy T có một con chung là Nguyễn Nhã U, sinh ngày 02/10/2018. Hiện nay, cháu U đang sống cùng chị O. Khi ly hôn, chị O có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu U, không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của người mẹ. Cháu Nguyễn Nhã U sống với chị O từ nhỏ đến nay. Anh T đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài. Vì vậy,để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con cần giao con chung Nguyễn Nhã U cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị O, anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhã U, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Duy T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012656 ngày 10/01/2023.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

NgU đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. NgU đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND thị trấn CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn